

CẤU TRÚC SONG TRỊ CÓ HẠT NHÂN LÀ TÍNH TỪ TIẾNG VIỆT (Với những đơn vị đơn tiết)

PHẠM HỒNG HẢI * - NGUYỄN CÔNG ĐỨC **

Tóm tắt: Qua khảo sát cấu trúc song trị có hạt nhân là tính từ tiếng Việt, bài báo này góp phần tìm hiểu bản chất của tính từ tiếng Việt cũng như sự tương đồng của tính từ với động từ trong tiếng Việt ở một góc độ khác, hay nói rõ hơn, bài viết nghiêng về quan điểm nên hợp nhất hai nhóm từ này thành một từ loại (vị từ). Sự khác biệt giữa chúng, chủ yếu ở phương diện nghĩa. Đóng góp lớn nhất của bài báo để góp phần hợp nhất hai nhóm từ này là: cung cấp thêm tiêu chí cấu trúc tham tố nhằm khẳng định tính từ cũng có cấu trúc tham tố tương đồng với cấu trúc tham tố của động từ, và tính từ cũng tương đồng với động từ trong khả năng làm hạt nhân của cấu trúc tham tố; Trên bình diện cú pháp, ở vai trò trung tâm vị ngữ, tính từ tiếng Việt cũng thể hiện tính nội động/ngoại động tương đồng với động từ.

Từ khóa: Cấu trúc tham tố, Cấu trúc song trị, Tính từ nội động, Tính từ ngoại động.

Abstract: By examining the bivalent structure with adjective nuclear in Vietnamese, This article contributes to understanding the nature of the Vietnamese adjectives as well as the similarity of adjectives with Vietnamese verbs in a different angle, or more clearly, this advocates the view of merging these two groups into one kind (verb). The difference between them is mainly in terms of meaning. The largest contribution of this article to contribute the integration of these two groups is: adding the argument structure criteria to assert that adjectives also have the argument structure similar to the argument structure of verbs, and that adjectives also correspond to verbs in the central role of the argument structure; In terms of syntax, in the central role of predicates, Vietnamese adjectives also express the intransitivity/ transitivity

equivalent of the Vietnamese verbs.

Keywords: Argument structure, Bivalent structure, Intransitive adjectives, Transitive adjectives.

1. Dẫn nhập

Sau khi khảo sát, phân tích khả năng hoạt động của 1.612 tính từ đơn tiết và 769 đơn vị song tiết có hạt nhân là tính từ đơn tiết và yếu tố sau có tư cách bổ ngữ trong tiếng Việt ở hai phương diện (cấu trúc cú pháp và cấu trúc tham tố), làm rõ các vai nghĩa và vai cú pháp của tính từ trên hai phương diện này, tìm mối liên hệ giữa cấu trúc tham tố và cấu trúc cú pháp của tính từ, đối chiếu cấu trúc tham tố của tính từ tiếng Việt với cấu trúc tham tố của tính từ tiếng Anh, chúng tôi nhận thấy: Trong cấu trúc tham tố của tính từ tiếng Việt, tư cách hạt nhân của tính từ thể hiện rõ nét, đặc biệt là những hình thức đơn vị song tiết có hạt nhân là tính từ đơn tiết và yếu tố sau có tư cách bổ ngữ đã được xác định là những ngữ đoạn chức năng. Các tham tố của tính từ có khá nhiều nét tương đồng với tham tố của động từ, mặc dù khả năng hoạt động và số lượng hạn chế hơn so với tham tố của động từ. Về khả năng kết hợp với diễn tố, hầu hết tính từ tiếng Việt có khả năng kết hợp với một hoặc hai diễn tố với những biểu hiện đa dạng. Việc chỉ ra tính từ có khả năng làm hạt nhân trong cấu trúc tham tố, và hơn nữa, hạt nhân trong cấu trúc song trị, có

* TS - Bộ môn Ngôn ngữ học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh; Email: honghai22016@gmail.com

** PGS.TS - Bộ môn Ngôn ngữ học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh.

thể là một hướng tiếp cận mới góp phần khẳng định những tương đồng giữa động từ và tính từ trong tiếng Việt; Chức năng vị ngữ có thể xem là chức năng quan yếu đối với cả động từ và tính từ trong tiếng Việt. Tuy nhiên, chính khả năng kết hợp với diễn tố (bổ ngữ) mới là một nét đặc biệt của tính từ tiếng Việt - điều ít thấy trong các ngôn ngữ khác - và, đây có thể xem là một trong những đặc điểm cú pháp nổi bật, là một cơ sở quan trọng trong việc hợp nhất tính từ và động từ.

2. Cấu trúc song trị có hạt nhân là tính từ tiếng Việt

2.1. Cấu trúc tham tố của tính từ tiếng Việt

Cấu trúc tham tố có hạt nhân là tính từ còn ít được bàn đến so với cấu trúc tham tố của động từ. Một số tác giả như Berman (1974), Dixon (2004), Ikeya (1995, 1996), Mailing (1983), Babby (2009), Park Byung Soo (2001),... đã đề cập đến cấu trúc đơn trị, cấu trúc đa trị (song trị, tam trị), hiện tượng các “tính từ ngoại động” (transitive adjectives) trong tiếng Anh, Nhật, Nga và những ngôn ngữ có đánh dấu cách. Cấu trúc tham tố của tính từ là một dạng cấu trúc trong đó hạt nhân là một tính từ, các tham tố là những ngữ đoạn bổ sung về phương diện nghĩa cho tính từ đó. Các ngữ đoạn này thường là ngữ danh từ, ngữ giới từ hoặc một cấu trúc cú pháp phức hợp (một cú, một động từ nguyên mẫu,...). Cấu trúc song trị của tính từ là cấu trúc tham tố có hai tham tố bắt buộc có mặt (diễn tố), trong đó, một diễn tố là chủ ngữ và một diễn tố là bổ ngữ trên bình diện cú pháp.

Chưa bàn trực tiếp về cấu trúc tham tố của tính từ nhưng Nguyễn Tài Cẩn, Diệp Quang Ban, Đinh Văn Đức,... đã gián tiếp bàn về cấu trúc tham tố của tính từ với những tên gọi khác nhau như “cụm tính từ”, “đoạn ngữ tính từ”, “tổ hợp tính từ”, “nhóm tính từ”,... Đó là những cụm từ có tính từ làm trung tâm, và các thành phần phụ trước, phụ sau, chịu sự chi phối về mặt ngữ pháp của thành tố trung tâm. Từ

mối quan hệ chặt chẽ giữa tính từ trung tâm và thành tố phụ, ta có thể dựa vào cấu tạo của ngữ tính từ để soi sáng nhiều vấn đề - chẳng hạn, dựa vào mối quan hệ khác nhau giữa tính từ trung tâm với thành phần ở sau nó để phân biệt bổ tố, trạng tố. Đây cũng là tiền đề quan trọng để xác định tính nội động, ngoại động của tính từ. Như vậy, ở một mức độ nhất định, các thành phần phụ trước, phụ sau trong mỗi liên hệ với tính từ trung tâm đã được bàn đến như những tham tố xoay quanh vị từ - trung tâm của ngữ đoạn chức năng, của câu. Khi miêu tả các tham tố của tính từ với tư cách là các thành phần phụ trước và phụ sau, các tác giả đã đi xa hơn khi bàn sâu hơn về vai trò bổ ngữ của thành phần phụ sau. Nguyễn Tài Cẩn (1975) nêu ra những ví dụ về ngữ tính từ giống như ngữ động từ, trong đó thành tố phụ đứng sau trung tâm là chỉ đối tượng, chẳng hạn *gần **quần chúng**, xa **bạn**, khác **người**,...* [2, tr.334]. Đinh Văn Đức (1986), dù chưa xác lập được tư cách bổ ngữ của tính từ tiếng Việt, nhưng đã nhận thấy “Do cách thức phản ánh của người bản ngữ, một đặc trưng trong quan hệ thông báo có thể hình dung như một trạng thái, xa hơn, cái trạng thái đó có thể hoạt động và gây ra tác động đến những đối tượng nhất định. Đó là lý do về mặt ngữ nghĩa của việc hình thành các hiện tượng gọi là ‘bổ ngữ của *tính từ*’ trong tiếng Việt” (Ví dụ, *Tôi xa nhà đã 20 năm*) [3, tr.165-166]. Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung (1991) phân bổ ngữ thành 4 loại: (i) Bổ ngữ của tính từ chỉ lượng (*đông, đầy, vắng, thưa, mau, nhiều, ít*); (ii) Bổ ngữ là những danh từ chỉ chủ thể của nội dung ý nghĩa nêu ở tính từ. (*Cây này vàng lá; Nhân này mỏng cùi*); (iii) Bổ ngữ có nhiệm vụ nêu cái mốc, cái điểm không gian hoặc thời gian của một phía trong quan hệ định vị với thành phần ở trước. (*Nhà tôi xa trường; Hôm nay đã gần tết rồi*); (iv) Bổ ngữ đòi hỏi làm rõ phương diện mà nội dung tính từ phát huy tác dụng. (*Tốt gỗ hơn tốt nước sơn*) [1, tr.101-105]. Không hẳn ngôn bản về cấu trúc tham tố của tính từ, nhưng Cao

Xuân Hạo (2006) xác định tính từ tiếng Việt với tư cách là một tiểu loại của vị từ (trong nhóm vị từ trạng thái) bằng cách phân loại theo diễn trị. Tính từ - với tư cách là vị từ trung tâm, được xác định dựa vào khả năng kết hợp với các tham tố là diễn tố. Có thể nói, Cao Xuân Hạo là người đầu tiên chứng minh một cách thuyết phục khả năng hoạt động của tính từ trung tâm trong cấu trúc tham tố có diễn tố đóng vai trò chủ ngữ, bổ ngữ,... trên bình diện cú pháp, và vai trò Nghiệm thể, Đương thể,... trên bình diện nghĩa. Như vậy, tính từ đã được nhiều tác giả bàn đến trong mối liên hệ với các thành tố phụ trước, thành tố phụ sau, nhưng chưa tác giả nào bàn đầy đủ, thấu đáo về cấu trúc tham tố của tính từ, đặc biệt là cấu trúc song trị, nhằm làm rõ những tương đồng về nhiều mặt giữa tính từ và động từ trong tiếng Việt. Việc xác định tính từ từ góc độ cấu trúc tham tố nằm trong xu hướng xác định từ loại trong ngữ đoạn chức năng, trong sự hành chức của từ. Vai trò hạt nhân trong khung tham tố sẽ giúp tính từ bộc lộ hết khả năng hoạt động trong sự tương ứng, sự bất xứng giữa hai bình diện cú pháp và ngữ nghĩa.

Các nhà ngữ pháp chức năng như Tesnière, Fillmore, Valin,... đã ít nhiều bàn đến diễn tố, chu tố. Dik (1981) là một trong những tác giả tiêu biểu ở giai đoạn sau đã bổ sung, phân loại, miêu tả đầy đủ, kỹ lưỡng các tham tố trong cấu trúc vị từ hạt nhân. Theo ông, diễn tố sẽ nằm trong một kết cấu vị ngữ hạt nhân còn chu tố nằm trong kết cấu vị ngữ mở rộng. Trong quan hệ với vị từ, diễn tố thường giữ vị trí nòng cốt trong câu, bắt buộc phải có mặt để làm nên sự tình. Chu tố là thành tố không có chức năng xác định các sự tình theo đúng nghĩa, nhưng nó cung cấp nhiều thông tin gắn với sự tình theo một tổng thể bằng cách chỉ định thời gian hoặc vị trí của các sự tình, đưa ra lý do hoặc nguyên nhân của các sự tình, và cung cấp những thông tin bổ sung khác. Ví dụ:

(1) a. *Họ hiém con.*

b. *Năng suất năm nay kém năm ngoái.*

c. *Anh lái xe này không thạo đường.*

Trong (a), cái trạng thái *hiém* bắt buộc phải có chủ thể *họ* và đối thể *con* tham gia vào sự thể. Và, chúng là hai tham tố bắt buộc (diễn tố) làm nên sự tình trong câu. Tương tự, *năng suất năm nay* và *năm ngoái* trong (b), *anh lái xe này* và *đường* trong (c) là các diễn tố. Những diễn tố này là bổ ngữ trực tiếp trên bình diện cú pháp. Trên bình diện nghĩa, chúng là vai đối thể (*Năm ngoái*, *đường*) hoặc vai phạm vi (*con*). Cũng theo Dik, một kết cấu vị ngữ hạt nhân bao gồm một vị từ gắn với một số thích hợp các ngữ định danh để lấp đầy vị trí các tham tố của vị từ. Như vậy, sự xuất hiện diễn tố và chu tố trong câu là do vị từ quyết định. Ví dụ:

(2) a. *Tán lá cây đã xướm vàng.*

b. *Trái đã chín đầy cành.*

c. *Anh ấy bận suốt cả ngày.*

Trong (a), *tán lá cây* là diễn tố thứ nhất, là chủ thể của *xướm*; *vàng* là diễn tố thứ hai của *xướm*. Đây là những yếu tố bắt buộc xuất hiện trong câu. Nhưng chúng ta cũng có thể mở rộng câu trên như: *Tán lá cây đã xướm vàng mấy hôm nay*. Vậy ta thấy thêm một tham tố xuất hiện nữa đó là *mấy hôm nay*, tham tố này không bắt buộc xuất hiện trong câu, nhưng nó có tác dụng bổ sung thông tin cho câu. Vì thế, nó đóng vai chu tố cho câu. Trong (b,c), *đầy cành*, *suốt cả ngày* là các tham tố không bắt buộc xuất hiện - chu tố, và có thể coi như trạng ngữ trên bình diện cú pháp.

Từ việc xem xét các quan điểm tiêu biểu của các nhà Việt ngữ học về tư cách bổ ngữ của thành phần phụ ở sau tính từ, chúng tôi tạm thời kết luận như sau: (i) Về phương diện nghĩa, bổ ngữ của tính từ là thành phần phụ để chỉ đối tượng chịu tác dụng trực tiếp hay gián tiếp của đặc trưng nêu ở tính từ, hoặc chỉ các chủ thể gắn liền với đặc trưng nêu ở tính từ, hoặc chỉ các đặc trưng phụ thêm vào đặc trưng

nêu ở tính từ; (ii) Về phương diện cú pháp, bổ ngữ có thể kết hợp lỏng, hoặc kết hợp chặt với tính từ. Nói cách khác, bổ ngữ có thể kết hợp với tính từ trực tiếp hoặc gián tiếp (có giới từ); (iii) Bổ ngữ là một tham tố bắt buộc (diễn tố) trong cấu trúc tham tố của tính từ.

2.2. Tính từ nội động và tính từ ngoại động

Các nhà Việt ngữ học đã đề cập đến phạm trù nội động/ngoại động ở những mức độ, góc độ khác nhau. Đáng chú ý là phạm trù nội động/ngoại động trong tiếng Việt đã được Lê Kính Thắng (2016) bàn khá hệ thống, triệt để, thuyết phục với tư cách là một phạm trù ngữ pháp. Tác giả đã xác định nhóm vị từ ngoại động kém điển hình (trong đó có số lượng khá lớn từ trùng hợp với nhóm tính từ tiếng Việt), chỉ ra sự bất xứng giữa hai bình diện cú pháp và ngữ nghĩa: thỏa mãn về tiêu chí hình thức cú pháp (có một bổ ngữ trực tiếp) nhưng không thỏa mãn về phương diện ngữ nghĩa (không có sự tác động chủ thể đến đối tượng - tức không có mặt bổ ngữ bị thể [Patient]). Thực tế này là cơ sở để có thể phân loại tính từ thành nội động, ngoại động theo tiêu chí hình thức cú pháp.

2.2.1. Tính từ nội động

Tính từ nội động là tính từ có khả năng đứng một mình (có thể kết hợp với tình thái từ), độc lập làm vị ngữ, kết hợp chặt với chủ ngữ cả về ngữ nghĩa và cú pháp để tạo thành câu trọn vẹn; hoặc, tính từ nội động còn có khả năng được theo sau bởi một bổ ngữ gián tiếp (có giới từ). Ví dụ *vui, buồn, cao, thấp, ngắn, dài, đen, trắng,...*

(3) a.1. *Cô ấy buồn.*

a.2. *Cô ấy **buồn** về chuyện gia đình.*

b.1. *Quyển sách đã **sờn**.*

b.2. *Quyển sách đã **sờn** cả gáy.*

Trong (a.1, b.1), các tính từ *buồn, sờn*, đều có thể tự mình đảm nhiệm chức vụ vị ngữ. Nói cách khác, những tính từ này là vị từ trong cấu

trúc tham tố của tính từ có một diễn tố đóng vai trò chủ ngữ. Trong (a.2, b.2), theo sau *buồn, sờn* là bổ ngữ gián tiếp (*về chuyện gia đình, cả gáy*). Khả năng độc lập làm vị ngữ của tính từ tiếng Việt đã được bàn đến nhiều trong giới nghiên cứu ngôn ngữ.

2.2.2. Tính từ ngoại động

Những tính từ mà ngoài diễn tố đảm nhiệm chức năng là chủ ngữ ở bình diện cú pháp, đòi hỏi phải có diễn tố là bổ ngữ trực tiếp (Bổ ngữ trực tiếp có thể ngầm ẩn), được xem là những tính từ ngoại động. Ví dụ như *biệt, ham, giống, xa, thiếu, đạt, xứng,...*

(4) a. *Anh ấy xa nhà.*

b. *Nhà anh ấy xa.*

Trong câu (a), *xa* không phải là tính chất hay trạng thái của chủ thể - *anh ấy*. Hay, nói cách khác, *anh ấy* không phải là chủ thể trải nghiệm tâm trạng - *xa*, mà *anh ấy* là một đối tượng được mô tả, nhận định trong mối liên hệ với một đối tượng khác (*nhà*). Tương tự như vậy trong (b), *nhà anh ấy* chỉ là một đối tượng được mô tả trong mối liên hệ với một đối tượng ngầm ẩn (*cơ quan,...*). Trong trường hợp này, *xa* là tính từ điển hình thể hiện tính ngoại động vì nó đòi hỏi sự có mặt của một đối tượng khác ngoài chủ thể. *Nhà* trong (a) là bổ ngữ trực tiếp bắt buộc phải có. Trong (b), bổ ngữ trực tiếp (*cơ quan,...*) được ngầm ẩn. *Xa* là tính từ mô tả chủ thể trong mối liên hệ với một đối tượng khác, và được coi như tính từ nhóm ngoại động.

2.2.3. Tính từ có hai cách dùng

Mối liên hệ giữa cấu trúc tham tố và cấu trúc nghĩa của tính từ tiếng Việt ở nhiều mức độ - cả sự tương ứng, sự bất xứng giữa hai bình diện - là một lý do dẫn đến khả năng sử dụng linh hoạt của tính từ.

(i) Tính từ ngoại động dùng như nội động: Là những tính từ có bản chất là ngoại động, nhưng được dùng như tính từ nội động (tức là,

trên bình diện cú pháp không đòi hỏi bỏ ngữ trực tiếp hoặc được theo sau bởi bỏ ngữ gián tiếp). Ví dụ:

(5) a.1. *Họ rất thân (nhau).*

a.2. *Họ rất thân với nhau.*

Trong cảm thức của người bản ngữ, *thân* luôn gắn với một bỏ ngữ (có thể ngầm ẩn: *nhau*), nên về bản chất, *thân* vẫn là tính từ ngoại động điển hình. Trong (a.2), *thân* được theo sau bởi bỏ ngữ gián tiếp (*với nhau*), và là tính từ ngoại động dùng như nội động. Đây là một ví dụ điển hình về sự bất xứng giữa cấu trúc cú pháp và cấu trúc nghĩa.

(ii) Tính từ nội động dùng như ngoại động: Là tính từ có bản chất nội động, nhưng có thể được dùng như tính từ ngoại động (có bỏ ngữ trực tiếp theo sau)

(6) a.1. *Cô ấy buồn.*

a.2. *Chuyện tình của cô ấy rất buồn.*

a.3. *Cô ấy buồn tình.*

Trong (a.1, a.2), *buồn* thể hiện rõ bản chất nội động - kể cả khi diễn tố làm chủ ngữ thay đổi. Trong (a.3), *buồn* dùng như tính từ ngoại động - vì có bỏ ngữ trực tiếp theo sau. Nhưng, về mặt ngữ nghĩa, đối với tính từ nội động dùng như ngoại động, diễn tố làm bỏ ngữ thường chỉ một phạm vi, một phương diện, một đặc tính của chủ ngữ mà tính từ biểu hiện. Sự phân biệt về nghĩa này rất cần thiết để bổ sung cho sự phân biệt về mặt cú pháp giữa tính từ nội động và ngoại động.

Bước đầu, có thể rút ra một số kết luận về khả năng phân loại tính từ như sau: (i) Về mặt ngữ nghĩa, khó có thể tìm kiếm sự khu biệt triệt để giữa tính từ nội động với tính từ ngoại động. Nếu cần phân biệt sâu hơn về mặt nghĩa, có thể coi tính từ nội động là những từ chỉ trạng thái, tính chất tự thân của đối tượng giữ vai chủ ngữ ở bình diện cú pháp. Quá trình khảo sát cũng cho thấy: vai nghĩa giữ chức vụ bỏ ngữ trên bình diện cú pháp thường đóng vai trò chỉ

phạm vi ảnh hưởng đến chủ thể mà nghĩa của tính từ thể hiện chứ không phải ảnh hưởng đến một thực thể khác. Đây là những điểm khác biệt cơ bản, quan trọng để phân biệt tính từ nội động được dùng với tư cách ngoại động với tính từ có bản chất là ngoại động; (ii) Về mặt cú pháp, nhìn chung, có thể phân loại tính từ dựa trên khả năng bắt buộc hay không bắt buộc có bỏ ngữ trực tiếp (thành tính từ nội động và tính từ ngoại động); (iii) Tính từ ngoại động khi chuyển sang dùng như nội động thường làm diễn tố (chủ ngữ), ý nghĩa của câu bị thay đổi. Đây chính là một điểm quan trọng phân biệt tính từ nội động dùng như ngoại động với tính từ ngoại động; (iv) Xếp tính từ vào một nhóm nào đó về thực chất là xếp một vài nghĩa của chúng vào các mô hình cú pháp có thể có. Quan niệm thận trọng của nhiều nhà ngôn ngữ học cho rằng sự đối lập nội - ngoại động không phải là sự đối lập lưỡng phân mà là sự đối lập thang độ cần được bổ sung thêm rằng phạm vi áp dụng của đặc tính trên không chỉ đối với các vị từ trong một ngôn ngữ mà ngay với một vị từ - các nghĩa (hoặc cách dùng) của nó có thể rất xa nhau, trải dài trên thang độ tính ngoại động (Lê Kính Thắng [7]).

2.3. Cấu trúc song trị có hạt nhân là tính từ ngoại động

Vì dung lượng bài báo có hạn, nên nội dung phần này chưa bàn đến những tính từ ngoại động là những đơn vị song tiết, mà mới chỉ bàn đến tính từ ngoại động là những đơn vị đơn tiết. Sự tương đồng giữa tính từ với động từ tiếng Việt không chỉ thể hiện trong nhóm nội động mà còn cả ở nhóm ngoại động nữa. Và, xét từ phương diện cấu trúc tham tố, khá nhiều tính từ sở hữu đặc điểm của động từ ngoại động, tức có thể làm hạt nhân trong cấu trúc song trị như *giống* trong *Lan rất giống mẹ*. Đây là những tính từ đòi hỏi phải có 2 tham tố tham gia vào sự tình. Một diễn tố xuất hiện trên bề mặt cú pháp là chủ ngữ, diễn tố kia là bỏ ngữ. Dựa vào cấu trúc ngữ pháp, bỏ ngữ có

những hình thức là (ngữ) danh từ, ngữ giới từ, kết cấu chủ - vị, một vị từ hoặc ngữ vị từ. Trong đó bỏ ngữ có hình thức (ngữ) danh từ, ngữ giới từ là phổ biến.

(i) Bỏ ngữ là (ngữ) danh từ/đại từ: Đây là hình thức cấu tạo phổ biến nhất của bỏ ngữ. Lý do sâu xa là các bỏ ngữ thường là sự thể hiện các vai nghĩa chỉ người, vật tham gia vào sự tình do tính từ làm trung tâm. Ví dụ sau là những tính từ ngoại động điển hình:

- (7) a. *Điểm của chúng tôi bằng nhau.*
- b. *Anh ấy biệt tung tích từ dạo đó.*
- c. *Anh ấy chuyên nghề viết văn.*
- d. *Hai vùng này giáp ranh.*
- e. *Năng suất năm nay kém năm ngoái.*
- f. *Ông cụ đã khuất bóng.*
- g. *Ăn vật quen mồm.*

Trên bình diện cú pháp, những câu trong ví dụ (7) đều có bỏ ngữ trực tiếp (*nhau, tung tích, nghề viết văn,...*). Những bỏ ngữ này đều là diễn tố trên bình diện nghĩa, không thể lược bỏ hoặc ngầm ẩn (*bóng*). Ta cũng nhận thấy những tính từ ngoại động điển hình này không thể hiện tính chất tự thân hay trạng thái của chủ thể. *Bằng* không phải là tính chất tự thân mà là nhận định về tương quan giữa *điểm của chúng tôi*. Chúng tôi mới liệt kê khoảng 40 tính từ ngoại động điển hình thuộc loại này (Phạm Hồng Hải [4]). Xét tiếp những ví dụ sau:

- (8) a. *Quả na bót hạt, buồng dừa trấu cây.*
(Trần Đăng Khoa)
- b. *Khuôn mặt anh ấy sạm nắng gió.*
- c. *Trên miền Bắc đã sạch loài ác quỳ.* (Tố Hữu)
- d. *Ông ấy sành đồ cổ.*
- e. *Số người hai bên ngang nhau.*
- f. *Hắn rất lỏi đời.*
- g. *Nhà báo nghèo hụi bữa luôn đẩy cháu ạ.*

Trong các câu trên, tính từ *trấu, sạm, sạch* trong (a, b, c) thể hiện khả năng kết hợp như tính từ ngoại động trên phương diện cú pháp (có bỏ ngữ trực tiếp). Nếu tách khỏi câu, thì rất khó xác định *trấu, sạm, sạch* là tính từ nội động hay ngoại động. Trên phương diện nghĩa, chúng tôi quan niệm những bỏ ngữ này (*cây, nắng gió, loài ác quỳ*) là diễn tố trong cấu trúc nghĩa của câu. Trong (d, e, f, g), những tính từ ngoại động (*sành, ngang, lỏi, hụi*) đều không cần kết hợp với từ phụ nào, và đứng đầu cụm tính từ làm vị ngữ cho câu giống như động từ. Các bỏ ngữ (*đồ cổ, nhau, đời, bữa*) kết hợp với tính từ rất chặt trên phương diện cú pháp.

(ii) Bỏ ngữ là một kết cấu chủ - vị : Trong ví dụ (9), tính từ *hiếm, chán* có bỏ ngữ là kết cấu chủ vị, và đều dùng như tính từ ngoại động. *Chán* là tính từ có bản chất nội động (*Tôi chán.*), và *hiếm* là tính từ có bản chất ngoại động.

(9) a. *Đất Sài Gòn không hiếm những người nghèo sống ở lề đường.*

b. *Tôi chán cuộc sống vô nghĩa như thế này.*

(iii) Bỏ ngữ là một vị từ hoặc ngữ vị từ:

(10) a. *Thằng bé sớm hiểu biết.*

b. *Hắn ham chơi biếng làm.*

c. *Tôi bận lau nhà suốt chiều hôm qua.*

d. *Nó lười học lắm.*

Trong (a, b, c, d), *sớm, ham, bận, lười* đều là những tính từ dùng như ngoại động. Bỏ ngữ của tính từ trong các câu trên đều là (ngữ) vị từ (*hiểu biết, chơi, làm, lau nhà, học,...*). Những cụm tính từ *sớm hiểu biết, ham chơi, biếng làm, lười học* thường được giải thích là cách dùng khác của *hiểu biết sớm, chơi ham, làm biếng, học lười*. Vấn đề này, Nguyễn Tài Căn cho rằng “có sự thay đổi về sắp xếp, nhất định thế nào cũng có một sự chuyển đổi ít nhiều về mặt sắc thái ý nghĩa” [2, tr.300]. Như vậy, tùy theo ngữ cảnh, dùng như ngữ động từ hay ngữ tính từ đều phát huy tác dụng riêng của nó.

Những đơn vị như *giáp ranh, khuất bóng,*

lỗi đời,... thường được quan niệm là những kết hợp định danh, có tư cách của một từ với nghĩa riêng. Tuy nhiên, chúng tôi quan niệm đây là những ngữ đoạn chức năng có quan hệ cú pháp nội tại, có hạt nhân với tư cách vị từ, có yếu tố sau với khả năng làm bổ ngữ, và cương vị của ngữ đoạn chức năng cũng như cương vị từ của các yếu tố trong ngữ đoạn không bị chi phối bởi tiêu chí “Tự do/ràng buộc”,...

Nhiều tính từ nội động thể hiện khả năng kết hợp như tính từ ngoại động cũng được phân tích kết hợp trong phần này cho thấy việc phân chia nội động, ngoại động đối với tính từ, cho dù dựa vào tiêu chí hình thức cú pháp thì cũng không hoàn toàn triệt để. Trong tiếng Việt còn tồn tại hiện tượng một số danh từ đứng sau tính từ chỉ vai Phạm vi nhưng không gắn với chủ thể. Chúng tôi vẫn quan niệm những danh từ này là bổ ngữ mặc dù với một số tác giả khác, chúng được xem là có chức năng trạng ngữ (chỉ nơi chốn).

2.4. Cấu trúc song trị có hạt nhân là tính từ nội động dùng như ngoại động

Tính từ nội động được dùng như ngoại động là những tính từ có bản chất là nội động, nhưng được dùng với tư cách tính từ ngoại động, có nghĩa chúng đòi hỏi bổ ngữ trực tiếp theo sau. Điều này vẫn gây nên sự hoài nghi: thành phần theo sau tính từ này là bổ ngữ hay trạng ngữ? Thử phân tích cụ thể 6 cặp câu dưới đây.

(11) a.1. *Mặt cô ấy đỏ*. (dùng đúng bản chất tính từ nội động)

a.2. *Cô ấy đỏ mặt*. (không thể nói: *cô ấy đỏ*)

b.1. *Cổ bà ấy rất rát*.

b.2. *Bà ấy rất rát cổ*. (không thể nói: *bà ấy rất rát*)

c.1. *Mực chưa ráo*.

c.2. *Bài viết chưa ráo mực*. (không thể nói: *bài viết chưa ráo*)

d.1. *Người anh ấy tê đi*.

d.2. *Anh ấy tê người đi*. (không thể nói: *anh ấy tê*)

e.1. *Tính anh ấy rất xấu*.

e.2. *Anh ấy rất xấu tính* (có thể nói: *anh ấy rất xấu*)

f.1. *Mắt anh ấy rất tinh*.

f.2. *Anh ấy rất tinh mắt*. (có thể nói: *anh ấy rất tinh*)

Trong cặp câu (a.1, a.2), câu (a) tính từ *đỏ* được dùng đúng với bản chất nội động của nó. Trong câu (a.2) tính từ *đỏ* được dùng như tính từ ngoại động, *mặt* là bổ ngữ trực tiếp. Những cặp câu (b1, b2), (c1, c2) (d1, d2) cũng được lý giải tương tự như vậy, trong đó *cổ*, *mực*, *người* là bổ ngữ trực tiếp, là thành phần không thể bị lược bỏ. Trong 2 cặp câu (e1, e2), (f.1, f.2), hai thành phần ở sau (*tính*, *mắt*) có thể lược bỏ, nhưng sự kết hợp chặt (*xấu tính*, *tinh mắt*), không thể xen giới từ, của hai kết hợp này cho thấy *tính*, *mắt* có tư cách bổ ngữ là là điều chấp nhận được.

Như vậy, trong trường hợp tính từ nội động có khả năng dùng như tính từ ngoại động, thì khả năng kết hợp với bổ ngữ của giới từ sẽ như thế nào? Xét những ví dụ tiếp theo:

(12) a1. *Ông ấy rất giàu*.

a2. *Ông ấy rất giàu lòng nhân đạo*. (không thể xen giới từ)

b1. *Bài hát này hay*.

b2. *Bài hát này hay ở ca từ*. (phải có giới từ)

c1. *Vấn đề này đúng*.

c2. *Vấn đề này đúng (về) nguyên tắc*. (có hoặc không có giới từ)

Trong câu (a2), *lòng nhân đạo* chỉ là một phương diện, một nét phẩm chất của chủ thể và tính từ *giàu* cho ta biết về mức độ, tính chất đó như thế nào. Trong (b2), *hay* chỉ là đặc điểm của bài hát ở một phương diện (*ca từ*). Câu (c2) có thể lý giải tương tự câu (b2), có bổ ngữ chỉ một phạm vi ảnh hưởng ((*về*) *nguyên tắc*). Do bổ ngữ chỉ đóng vai trò chỉ ra phạm vi ảnh hưởng đến chủ thể mà nghĩa của tính từ thể hiện chứ

không phải ảnh hưởng đến một thực thể khác, nên, trong câu này, tính từ dùng như ngoại động nhưng về bản chất vẫn là nội động. Lê Kính Thắng (2016) đã phân tích khá sâu về cách dùng ngoại động của những tính từ này khi cho rằng đây chỉ là cách dùng phái sinh, và xếp những tính từ này vào nhóm vị từ ngoại động kém điển hình. Chúng tôi thống kê khoảng 1.600 tính từ đơn tiết trong từ điển tiếng Việt của Hoàng Phê (2006). Khảo sát khoảng 300 tính từ đã cho thấy hiện tượng tính từ nội động có cách dùng ngoại động là khá phổ biến (Phạm Hồng Hải, 2019).

3. Kết luận

Xác định khả năng làm hạt nhân trong cấu trúc song trị của tính từ, tìm hiểu tính từ ở phương diện ngữ đoạn, ở chức năng vị ngữ không phải là mới trong giới Việt ngữ học. Tuy nhiên, chỉ ra tư cách hạt nhân của vị từ nội động và vị từ ngoại động là một việc làm có ý nghĩa vì nó đã cung cấp thêm cơ sở khả năng cú pháp của tính từ, để thấy sự tương đồng giữa chúng với động từ và để góp phần khẳng định sự cần thiết hợp nhất động từ với tính từ trong tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung, *Ngữ pháp tiếng Việt* (Tập 2), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1991.
- [2] Nguyễn Tài Cẩn, *Ngữ pháp tiếng Việt, Tiếng - Từ ghép - Đoàn ngữ*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1975.
- [3] Đinh Văn Đức, *Ngữ pháp tiếng Việt* (Từ loại), Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1986.
- [4] Phạm Hồng Hải, *Cấu trúc tham tố của tính từ tiếng Việt (Đối chiếu với cấu trúc tương ứng trong tiếng Anh)*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh, 2019.
- [5] Cao Xuân Hạo, Nguyễn Văn Bằng, Hoàng Xuân Tâm, Bùi Tất Tươi, *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt* (Quyển 2: Ngữ đoạn và từ loại), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006.
- [6] Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2006.
- [7] Lê Kính Thắng, *Phạm trừ nội động/ngoại động trong tiếng Việt*, Nxb. Đại học Huế, Huế, 2016.
- [8] Babby L.H., *The Syntax of Argument Structure*, New Jersey: Princeton University, 2009.
- [9] Backhouse, A. E. *Have all the adjectives gone?*, *Lingua* 62.169-86, 1984.
- [10] Baker M.C., *"Verbal Adjectives" as Adjectives without Phi-features*, Unpublished manuscript, Rutgers University, 2002.
- [11] Berman A., *Adjectives and Adjective Complement Constructions*. Doctoral dissertation, Harvard University, Cambridge, Mass, 1974.
- [12] Blackwell Aleka A., *On the acquisition of the syntax of English adjectives*, *CLS* 36.2.361-75, 2000.
- [13] Dik S.C., *Functional Grammar*, North-Holland (3rd printing), Dordrecht: Foris, 1981.
- [14] Dixon R.M.W., *Where have all the adjectives gone?*, The Hague: Mouton de Gruyter, 1982.
- [15] Dixon R.M.W., *Adjective Classes in Typological Perspective*, in Dixon R.M.W., Aikhenvald A.Y. (eds.), *Adjective Class: A Cross - Linguistic Typology*, Oxford: Oxford University press, 2004.
- [16] Fillmore Ch., *The Case for Case*. Bach E. & Harms R. (eds) *Universals in Linguistic Theory*, New York: Holt, Rinehart, Winston: 1-88, 1968.
- [17] Hagege Claude, *The "adjective" in some African languages*, *Studies in African Linguistics, Supplement* 5, p.125-33, 1974.
- [18] Ikeya A., *Predicate-Argument Structure of English Adjectives*, 1995, <http://dspace.wul.waseda.ac.jp>.
- [19] Ikeya A., *The Semantic Structure of Japanese Adjectives with - TAI Derivational Suffix*. *Language, Information and Computation*, 157-166, 1996.
- [20] Mailing J., *Transitive Adjectives: A Case of Categorical Reanalysis*, in Heny F. & Richards B. (eds.), *Linguistic Categories: Auxiliaries and Related Puzzles*, Vol.1. Dordrecht: 253-289, 1983.
- [21] Omoruyi Thomas O., *Adjectives and adjectivalization processes in Edo*, *Studies in African Linguistics* 17.83-302, 1986.
- [22] Park Byung Soo, *Do "Transitive Adjectives" really exist?*, Seoul, Korea: Kyung Hee University, 2001.
- [23] Tèsnier L., *Éléments de syntaxe structurale*, Paris: Klincksieck, 1959.
- [24] Waugh Linda R., *A semantic analysis of word order: position of the adjective in French*, Leiden: Brill, 1977.